

LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA

QUYỂN 45

Chương 2: **KIỀN-ĐỘ SỬ**Phẩm 4: **MƯỜI MÔN**, Phần 9

Như nói: Nếu được định này, thì dựa vào định ấy, lập định ấy, lại không thọ khổ khởi tập về sinh già, bệnh, chết ở vị lai.

Hỏi: Định này không thể dứt trừ kiết, vì sao nói rằng: Nếu được định ấy, cho đến nói rộng?

Đáp: Nên quán việc này. Vì sao? Vì nếu người Hữu học nhập định Diệt, khởi định, nghĩ rằng: Đây là diệt trong giây lát, pháp tâm, tâm sở giây lát không hành, sự vắng lặng, tốt đẹp còn như thế, hưởng chi là diệt rốt ráo. Pháp tâm, tâm sở rốt ráo không hành: Vì việc này, tức dứt trừ phiền não, nhập Niết-bàn vô dư. Nếu người Vô học nhập định Diệt, xuất định, nghĩ như vậy, cho đến do việc này, nên bỏ các ấm, nhập Niết-bàn vô dư. Vì việc ấy, nên nói rằng: Nếu được định này, cho đến nói rộng. Không còn thọ khổ, khởi tập.

Luận Thi Thiết nói: Có người nguyện nhập định, không nguyện xuất định, có người không nguyện nhập định, mà nguyện xuất định, có người nguyện nhập định, nguyện xuất định, có người không nguyện nhập định, không nguyện xuất định.

Nguyện nhập định, không nguyện xuất định: Giống như có một người nghĩ rằng: Mong sao cho ta nhập định Diệt. Không cảm nghĩ: Khiến ta xuất định Diệt. Khởi bốn thứ định hữu tướng, nếu một định được hiện ở trước thì xuất định kia xuất, bốn thứ định hữu tướng, nếu một thứ hiện ở trước thì đó gọi là nguyện nhập định, không nguyện xuất định.

Không nguyện nhập định, nguyện xuất định: Giống như có một người không nghĩ: Mong sao cho ta nhập định Diệt, mà nghĩ rằng: Khiến ta xuất định Diệt, khởi bốn thứ định hữu tướng. Nếu một định hiện ở

trước, thì người kia nhập định Diệt, xuất định Diệt, khởi bốn thứ định hữu tướng, nếu một định hiện ở trước thì đó gọi là không nguyện nhập định, nguyện xuất định.

Nhập định, nguyện xuất định: Giống như có một người nghĩ rằng: Mong sao cho ta nhập định Diệt, sao cho xuất định Diệt, khởi bốn thứ định hữu tướng, nếu một định hiện ở trước, thì người kia nhập định Diệt, xuất định Diệt, khởi bốn thứ định hữu tướng, nếu một định hiện ở trước, thì đó gọi là nguyện nhập định, cũng nguyện xuất định.

Không nguyện nhập định, không nguyện xuất định: Giống như có một người không nghĩ rằng: Khiến cho ta nhập định Diệt, mà xuất định Diệt, khởi bốn thứ định hữu tướng. Nếu một định hiện ở trước, thì người kia sẽ nhập định Diệt, xuất định Diệt, khởi bốn thứ định hữu tướng, nếu có một định hiện ở trước, thì đó gọi là không nguyện nhập định, không nguyện xuất định.

Hỏi: Nguyện nhập định, nguyện xuất định có thể như thế. Sao là không muốn nhập định, xuất định, mà nhập định, xuất định?

Đáp: Đây là đều muốn nhập định, đều muốn xuất định, tuy nhiên nhập định, xuất định có người tự tại, có người không tự tại. Cho nên, Luận Thi Thiết nói rằng: Hoặc có người nhập định tâm được tự tại, xuất định tâm không được tự tại. Hoặc có người xuất định tâm được tự tại, tâm nhập định không được tự tại. Hoặc có người nhập định, xuất định tâm đều được tự tại. Hoặc có người nhập định, xuất định tâm đều không được tự tại.

Nhập định tâm được tự tại, xuất định tâm không được tự tại: Không nguyện nhập định, nguyện xuất định.

Xuất định tâm được tự tại, nhập định tâm không được tự tại: Không nguyện xuất định, nguyện nhập định.

Nhập định tâm được tự tại, xuất định tâm được tự tại: Không nguyện nhập định, không nguyện xuất định.

Nhập định tâm không được tự tại, xuất định tâm không được tự tại: Nguyện nhập định, nguyện xuất định.

Do việc này, nên nói rằng: Người nhập định đều muốn nhập định, người xuất định đều muốn xuất định.

Hỏi: Ở đây nói bốn định hữu tướng là gì?

Đáp: Là bốn Vô sắc.

Hỏi: Vì sao nói bốn Vô sắc là bốn định hữu tướng?

Đáp: Bốn định Vô sắc đối với định Diệt, được lập ra là trái định với thứ lớp, trái với định siêu việt. Nếu xuất định kia, khởi tâm Phi

tướng Phi phi tướng xứ, kế là khởi tâm Vô sở hữu xứ là trái với định thứ lớp. Nếu khởi tâm Thức xứ là trái với định siêu việt.

Nếu xuất định kia, khởi tâm Vô sở hữu xứ, kế là khởi tâm Thức xứ, là trái với định thứ lớp. Nếu khởi tâm Không xứ, là trái với định siêu việt.

Do việc này, nên nói bốn định Vô sắc là bốn Định hữu tướng.

Kinh nói: Người nhập định Diệt, lửa không thể đốt, nước không thể cuốn trôi, vật nhọn bén không thể gây tổn thương, chất độc không thể hại, không bị người khác giết.

Hỏi: Vì sao người nhập định Diệt, lửa không thể đốt, nước không thể cuốn trôi, vật nhọn bén không thể gây tổn thương, chất độc không thể hại, không bị người khác giết?

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Định này là pháp không hại. Do đó nếu người nhập định này thì tai họa không thể làm hại.

Lại nữa, định này vì có oai thế lớn, nên chư thiên có oai đức thường hộ vệ.

Lại nữa, cảnh giới thiên của thiên, cảnh giới thần túc của thần túc, là việc không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, định này vô tâm. Người vô tâm thì không chết, không sinh. Kinh Tán Kỳ-bà-là nhân duyên mà luận này nói:

Nghe nói thời quá khứ Đức Phật Ca-Câu-Tôn-Đà có hai vị đệ tử đại hiền:

1. Tên Tỳ-Đầu-La.

2. Tên Tán-Kỳ-Bà.

Bấy giờ, Tôn giả Tán-Kỳ-Bà đã giáo hóa nhiều nơi trong một thành. Ở bên cạnh thành kia, nơi có nhiều người lại, Tôn giả nhập định Diệt. Lúc ấy, có người chăn bò, dê, người gánh củ, củi, người đi đường, thấy vậy đều nghĩ thầm: Đại đức này ngồi xếp bằng mà chết. Chúng ta nên lấy phân bò, củi khô để thiêu xác rồi hãy đi. Nghĩ dứt, họ liền lấy phân bò, củi khô đốt xong rồi bỏ đi.

Bấy giờ, Tôn giả Tán-Kỳ-Bà, vào lúc sáng sớm, xuất định Diệt, nhanh chóng phủi dũ y tăng-già-lê, vào buổi sáng sớm, đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Lúc ấy, các người chăn bò, dê, gánh củi, củi đi trên đường, thấy đều nói: Tôn giả này, ngày hôm qua ngồi xếp bằng mà chết. Chúng ta đã dùng củi khô, phân bò khô, đốt. Nay đã sống lại. Người thời bấy giờ đều gọi là Tôn giả là sống lại. Sở dĩ thân không bị lửa đốt, là do năng lực của định gìn giữ. Sở dĩ không đốt y là do năng lực của thần túc duy trì.

Lại có thuyết nói: Sở dĩ thân và y không bị lửa đốt, đều do năng lực của định, cho nên, Kinh Tán Kỳ-bà-là nhân duyên của luận này.

Như trong nhân duyên nói: Nêu rõ người khởi định Diệt, được báo ở hiện đời?

Hỏi: Do đâu nêu rõ người khởi định Diệt được quả báo hiện đời?

Đáp: Thuyết này không cần phải hiểu. Vì sao? Vì thuyết này chẳng phải tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm. Đây là nhân duyên. Hoặc đúng, không đúng. Nếu muốn phải hiểu thì có ý gì?

Đáp: Không được báo hiện đời, mà thọ nhiều báo.

Hỏi: Vì sao cho là người khởi định Diệt, hoặc được hiện báo, hoặc được nhiều báo?

Đáp: Nếu thí thức ăn cho người khởi định Diệt, chính là thí thức ăn cho người khởi các thiền giải thoát, tam-muội. Vì sao? Vì nếu muốn nhập định này, trước khởi tâm thiện cõi Dục, theo thứ lớp nhập Sơ thiền, cho đến phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Theo thứ lớp nhập định Diệt, muốn khởi định này. Xuất định ấy, theo thứ lớp khởi tâm Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, cho đến Sơ thiền, theo thứ lớp khởi tâm thiện cõi Dục. Vì trong thân hành giả tu công đức như thế v.v..., nên cho thức ăn, được báo hiện đời, hoặc được nhiều báo.

Lại nữa, xuất định này khởi, xuất nhập, nói năng, đáp y, nhận lấy thức ăn uống. Vì oai nghi vắng lặng như thế v.v..., nên các Bà-la-môn, cư sĩ tín tâm, sinh tâm cung kính, trân trọng, đem áo cơm v.v... thí cho, sẽ được báo hiện đời, hoặc được nhiều báo.

Lại nữa, định này nghĩ là ít có của con người. Nếu người nghe Tỳ-kheo kia được định Diệt, liền sinh tưởng rất là ít có, các Bà-la-môn, cư sĩ tín tâm, dùng tâm thanh tịnh, thí cho họ cơm áo v.v..., sẽ được báo hiện đời, hoặc được nhiều báo.

Lại nữa, nếu thí thức ăn cho người khởi định Diệt, được gọi là thí thức ăn cho người không được ăn. Người nhập định hữu tưởng, tuy không ăn bằng đoàn thực, nhưng ăn bằng xúc thực, ý tứ thực, thức thực hữu lậu. Người nhập định vô lậu tuy không ăn bốn thứ thức ăn hữu lậu, mà dùng xúc, ý tứ thức vô lậu để giữ gìn thân. Người nhập định Diệt, không có bốn thứ thức ăn, cũng không dùng xúc ý tứ thức vô lậu để giữ gìn thân. Do đó thí cho người khởi định Diệt, tức thí thức ăn cho người không ăn, được quả báo hiện đời, hoặc được nhiều báo.

Lại nữa, nếu thí thức ăn cho người khởi định Diệt thì chính là cho thức ăn người đến Niết-bàn trở lại. Vì sao? Vì Định Diệt này giống với Niết-bàn. Như khi nhập Niết-bàn vô dư, thì tất cả pháp tâm, tâm sở

không sinh, diệt tất cả pháp có duyên. Định này cũng vậy.

Cho nên, thí cho người nhập định Diệt kia thức ăn, được báo hiện đời, hoặc được nhiều báo. Không chỉ thí thức ăn cho người nhập định Diệt, được quả báo như hiện đời mà thí thức ăn cho năm hạng người, cũng được quả báo hiện đời:

1. Người xuất định Diệt khởi.
2. Người từ tâm từ khởi.
3. Người từ vô tránh khởi.
4. Người từ kiến đạo khởi.
5. Người từ được tận trí khởi.

Lại thí thức ăn cho năm hạng người, sẽ được nhiều quả báo.

1. Cho cha.
2. Cho mẹ.
3. Cho người bệnh.
4. Cho người nói pháp.
5. Cho người gần Phật, Bồ-tát.

Hỏi: Định này vì là chỗ thọ sinh gây ra nghiệp hay mãn nghiệp?

Đáp: Định này là mãn nghiệp, chẳng phải gây ra nghiệp. Vì sao? Vì gây ra nghiệp tất nhiên là tánh nghiệp, định kia chẳng phải tánh nghiệp.

Hỏi: Định này là được hiện báo, được sinh báo hay được hậu báo?

Đáp: Định này được sinh báo, không được hiện báo. Vì sao? Vì Phi tướng Phi phi tướng xứ không thể khởi định này.

Hỏi: Xứ nào thọ báo của định này?

Đáp: Ở bốn ấm báo của Phi tướng Phi phi tướng xứ.

Nếu đã thành tựu định Diệt, cũng thành tựu báo của định Diệt chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu định Diệt, không thành tựu báo của định Diệt, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Thành tựu định Diệt, không thành tựu báo của định Diệt: Sinh cõi Dục, cõi Sắc được định Diệt. Nếu được định Diệt không lui sụt, thì sẽ sinh Phi tướng Phi phi tướng xứ, chưa thọ báo của định Diệt.

2. Thành tựu báo của định Diệt, không thành tựu định Diệt: Ở đây được định Diệt lui sụt, sinh Phi tướng Phi phi tướng xứ thọ báo định Diệt.

3. Thành tựu định Diệt, cũng thành tựu báo của định Diệt: Ở đây được định Diệt không lui sụt, sinh Phi tướng Phi phi tướng xứ, thọ báo

của định Diệt.

4. Không thành tựu định Diệt, cũng không thành tựu báo của định Diệt: Sinh trong cõi Dục, cõi Sắc, không được định Diệt, sinh cõi Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ. Hoặc được định Diệt lui sụt, hoặc không được định Diệt, sinh Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, không thọ báo của định Diệt.

Nếu lui sụt định Diệt, có lui sụt quả A-la-hán hay không?

Đáp: Hoặc lui sụt định Diệt, không lui sụt quả A-la-hán, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Lui sụt định Diệt, không lui sụt quả A-la-hán. Người Hữu học lui sụt Định Diệt. A-la-hán được định Diệt lui sụt, không được tự tại, chẳng phải khởi kiết hiện ở trước.

2. Lui sụt quả A-la-hán, không lui sụt định Diệt: A-la-hán tuệ giải thoát lui sụt. Khi bậc Hữu học được định Diệt, khi bậc Vô học khởi kiết của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

3. Lui sụt định Diệt, cũng lui sụt quả A-la-hán: Lúc bậc Hữu học được định Diệt. Lúc bậc Vô học khởi kiết của địa dưới. Lúc lui sụt bậc Vô học được định Diệt. Kiết ở ba cõi, nếu khởi kiết một cõi lui sụt.

4. Không lui sụt định Diệt, cũng không lui sụt quả A-la-hán: Trừ ngần ấy việc trên:

Quả A-la-hán: Có sáu hạng:

1. Pháp lui sụt.
2. Pháp nhớ lại.
3. Pháp che chở.
4. Cùng trụ.
5. Có thể tiến tới.
6. Bất động.

Các A-la-hán pháp lui sụt đều là câu giải thoát phải không? Nếu là A-la-hán Câu giải thoát thì đều là thối pháp phải không? Cho đến A-la-hán bất động, đều là câu giải thoát phải không? Nếu là A-la-hán câu giải thoát thì đều là bất động phải không?

Đáp: Hoặc là A-la-hán pháp lui sụt, chẳng phải câu giải thoát, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Là A-la-hán pháp lui sụt, chẳng phải câu giải thoát: các A-la-hán pháp lui sụt không được định Diệt.

2. Là A-la-hán câu giải thoát, chẳng phải pháp lui sụt: Pháp nhớ cho đến bất động được định Diệt.

3. Là A-la-hán pháp lui sụt, cũng là câu giải thoát: A-la-hán pháp

lui sụt được định Diệt.

4. Chẳng phải A-la-hán pháp lui sụt, cũng chẳng phải câu giải thoát: Pháp nhớ cho đến bất động, không được định Diệt.

Như A-la-hán pháp lui sụt có bốn trường hợp. Năm loại A-la-hán còn lại, có năm thứ, bốn trường hợp cũng giống như thế.

Như đạo Vô học có sáu loại A-la-hán. Địa Hữu học cũng có sáu thứ tánh.

Học của các pháp lui sụt đều là thân chứng chăng? Nếu là thân chứng thì đều là học của pháp lui sụt chăng? Cho đến học của tánh bất động, là thân chứng? Nếu là thân chứng, đều là học của tánh bất động?

Đáp: Hoặc là học của tánh pháp lui sụt, chẳng phải thân chứng, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Là học của tánh pháp lui sụt, chẳng phải thân chứng: Học tánh của pháp lui sụt, không được định Diệt.

2. Là thân chứng, chẳng phải học tánh của pháp lui sụt: Pháp nhớ cho đến Học tánh của pháp bất động, được định Diệt.

3. Là học tánh của pháp lui sụt, cũng là thân chứng: Học của pháp lui sụt được định Diệt.

4. Chẳng phải Học tánh của pháp lui sụt, cũng chẳng phải được thân chứng: Pháp nhớ, cho đến Hữu học của tánh bất động, không được định Diệt.

Như Học tánh của pháp lui sụt, có bốn trường hợp. Năm Học tánh còn lại, có năm thứ bốn trường hợp cũng giống như thế.

Nếu pháp làm thứ lớp với tâm, cũng là không gián Dứt chăng?

Đáp: Hoặc pháp làm thứ lớp cho tâm, chẳng phải tâm không gián Dứt, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Làm thứ lớp cho tâm, chẳng phải tâm không gián Dứt: Trừ sát-na đầu tiên của định và lúc có tâm sát-na của định còn lại và tâm xuất định.

2. Là tâm không gián Dứt, chẳng phải thứ lớp của tâm. Sát-na đầu tiên của định và thời gian có tâm, sinh, trụ, vô thường.

3. Là thứ lớp của tâm, cũng là tâm không có gián Dứt: sát-na đầu tiên của định và lúc có tâm.

4. Chẳng phải là thứ lớp của tâm, chẳng phải tâm không có gián Dứt: Trừ sát-na đầu tiên của định và lúc có tâm sinh trụ vô thường, sát-na của định còn lại và sinh trụ, vô thường của tâm xuất định.

Nếu pháp là thứ lớp của tâm, cũng là định không gián Dứt

chăng?

Đáp: Hoặc pháp là thứ lớp của tâm, chẳng phải định không gián Dứt, cho đến nói rộng làm bốn trường hợp:

1. Là thứ lớp của tâm, chẳng phải định không gián Dứt: Sát-na đầu tiên của định và lúc có tâm.

2. Là định không gián Dứt, chẳng phải thứ lớp của tâm: Trừ sát-na đầu tiên của định và sinh, trụ, vô thường lúc có tâm. Sát-na của định còn lại và sinh, trụ, vô thường của tâm xuất định.

3. Là thứ lớp của tâm, cũng là định không gián Dứt: Trừ sát-na đầu tiên của định và định lúc có tâm, sát-na còn lại và tâm xuất định.

4. Không phải thứ lớp của tâm, chẳng phải định không gián Dứt: Sát-na đầu tiên của định và sinh, trụ, vô thường lúc có tâm khác.

Tám thắng xứ cho đến nói rộng.

Hỏi: Thể tánh của thắng xứ là gì?

Đáp: Là căn thiện không tham, đối trị với tham. Nếu nhận lấy sự xoay lại tương ứng thì cõi Dục là bốn ấm, cõi Sắc là năm ấm.

Đã nói về thể tánh của thắng xứ, còn lý do nay sẽ nói.

Vì sao gọi là thắng xứ? Thắng xứ là nghĩa gì?

Đáp: Vì thắng đối với cảnh giới, thắng đối với phiền não, nên gọi là Thắng xứ. Mặc dù các hành giả không thể đều là cảnh giới thù thắng, nhưng đối với cảnh giới, không sinh phiền não, nên gọi là thắng xứ. Như Đức Thế tôn nói: Vì thắng nơi xứ này, nên gọi là thắng xứ.

Giới: Là cõi Sắc. Địa là bốn thắng xứ đầu: Vị chí, Trung gian, Sơ thiên và địa đệ Nhị thiên. Bốn Thắng xứ sau ở địa đệ Tứ thiên. Thân chỗ nương dựa: là thân cõi Dục. Duyên: là duyên với cõi Dục. Là chỗ duyên nào?

Đáp: Duyên với sắc nhập.

Hỏi: đều duyên với tất cả sắc nhập cõi Dục?

Đáp: Điều duyên.

Hỏi: Nếu vậy kinh nói làm sao hiểu được? Như nói: Tôn giả A-nê-lô-đầu đang cư trú tại một tinh xá thuộc nước Xá-vệ. Có bốn thiên nữ ở cõi trời Khoái ý, đến chỗ Tôn giả A-nê-lô-đầu, nói rằng: Thưa Tôn giả A-nê-lô-đầu, chúng con là thiên nữ ở cõi trời Khoái ý. Ở bốn xứ đều được ý tự tại, tạo ra bất cứ sắc nào, đều tùy ý có thể làm, để tự vui vẻ. Nếu muốn y phục, chuỗi anh lạc, thì tùy ý có thể tạo ra, để tự vui vẻ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nê-lô-đầu nghĩ rằng: Nay ta nên quán các thiên nữ này, mà tưởng bất tịnh. Liên khởi tưởng bất tịnh của Sơ thiên, không thể thắng được, cho đến khởi quán bất tịnh của đệ Tứ thiên, cũng

không thể thắng nổi. Lại, nghĩ rằng: Vì sắc này xen lẫn, nên không thể thắng được. Nếu thuần một sắc thì ta sẽ thắng. Nghĩ như vậy rồi, nói với thiên nữ: Này các chị em được tự tại ở trong bốn xứ, vậy hãy tạo ra toàn màu xanh xem, lập tức, các thiên nữ đều hiện toàn màu xanh. Cũng không thể hơn được. Tôn giả lại nghĩ: Nếu thay đổi màu sắc này, đôi khi có thể khuất phục họ! Lại nói với các thiên nữ: Các cô hãy tạo ra màu vàng! Lập tức, các thiên nữ đều hóa ra màu vàng, rồi màu đỏ, cũng thế, không thể khuất phục họ.

Lúc ấy, Tôn giả A-nê-lô-đầu lại nghĩ: Màu trắng, thuận theo tướng bất tịnh. Nếu họ tạo ra màu trắng, thì ta sẽ chiến thắng. Lại nói với các thiên nữ: Các cô hãy tạo ra màu trắng, lập tức đều hiện toàn màu trắng, nhưng Tôn giả cũng không thể hơn được.

Khi đó, Tôn giả A-nê-lô-đầu biết màu sắc tươi đẹp này vì xen lẫn nên không thể hơn được, bèn ngồi nhắm mắt. Các thiên nữ nghĩ rằng: Nay Tôn giả này không thể nhớ lại về chúng ta. Biết việc này rồi, bỗng nhiên biến mất.

Tôn giả A-nê-lô-đầu không thắng được cảnh giới, cảnh giới không thắng được Tôn giả A-nê-lô-đầu. Ví như hai lực sĩ giao đấu không thể cùng thắng. Sắc kia cũng giống như thế, thuyết này làm sao hiểu được?

Đáp: Mặc dù Tôn giả A-nê-lô-đầu không thể hơn người căn cơ nhạy bén khác nhưng như Phật, Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... thì hơn.

Hỏi: Có thể đối với thân Phật, thực hành quán bất tịnh hay không?

Đáp: Chỉ có Phật mới có thể thực hành quán ấy, Thanh văn, Bích-chi Phật chẳng thể quán được. Vì sao? Vì thân Phật là thanh tịnh không nhơ. Tất cả người quán bất tịnh đều không thể thực hành tướng bất tịnh đối với thân Phật. Chỉ có Phật, Thế tôn có thể thực hành quán bất tịnh đối với tự thân các Ngài.

Lại nữa, quán bất tịnh có hai thứ:

1. Quán lỗi lầm của sắc.
2. Quán duyên khởi.

Quán bất tịnh. Quán lỗi lầm của sắc, không thể tạo ra quán lỗi lầm của sắc đối với thân Phật. Quán bất tịnh có thể thực hành quán duyên khởi. Ngoài ra nói rộng như ở phần quán bất tịnh của Kiền-độ Táp.

Niệm xứ: Điều cùng với thân niệm xứ, đi chung với trí, đi chung với đẳng trí.

Tam-muội: Không đi chung với tam-muội.

Căn: Nói chung tương ứng với hai căn, là hỷ căn, xả căn.

Quá khứ, vị lai, hiện tại: Là ba đời.

Duyên nơi ba đời: Quá khứ duyên với quá khứ, vị lai sẽ sinh, là duyên với vị lai. Bất sinh: là duyên với ba đời. Hiện tại duyên với hiện tại.

Thiện, bất thiện, vô ký: Là thiện duyên với thiện. Bất thiện, vô ký: Đều duyên với ba thứ.

Lệ thuộc ba cõi: Là lệ thuộc cõi Sắc. Duyên lệ thuộc ba cõi và không lệ thuộc: Là duyên lệ thuộc cõi Dục.

Là Học, Vô học, Phi học Phi Vô học: Là Phi học Phi Vô học.

Duyên Học, Vô học, Phi học Phi Vô học: duyên với Phi học Phi Vô học.

Là kiến đạo dứt trừ, tu đạo dứt trừ, không có dứt trừ: Là tu đạo dứt trừ. Duyên nơi kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không có dứt: duyên với tu đạo dứt.

Duyên danh duyên nghĩa: Là duyên nghĩa.

Duyên nơi thân mình thân người, chẳng phải thân: Thứ nhất thứ hai duyên với thân mình, thân người. Ngoài ra, duyên với thân người.

Là ly dục đắc, phương tiện đắc: Là ly dục đắc, cũng là phương tiện đắc.

Người Sơ thiên lia dục nơi cõi Dục. Người được Nhị thiên lia dục nơi Sơ thiên được. Đệ Tứ thiên: Lia dục đệ Tam thiên được. Được dùng phương tiện khởi hiện ở trước, là phương tiện đắc.

Đức Phật không dùng phương tiện khởi hiện ở trước, Bích-chi Phật dùng phương tiện phẩm hạ, Thanh văn có khi dùng phẩm trung, có khi dùng phương tiện phẩm thượng.

Là từng được, không hề được: Thân sau cùng của bậc Thánh phàm phu khởi từng được.

Chưa từng được: Phàm phu khác khởi từng được.

Tám Thắng xứ. Trong có tướng sắc, quán sắc ngoài. Trong có tướng sắc: Quán sắc thân mình, tu tướng sắc, không lia tướng sắc, quán sắc ngoài: Quán một chút sắc ngoài, hoặc đẹp hoặc xấu.

Một chút có hai thứ:

1. Một chút cảnh giới.
2. Một chút tự tại.

Sắc đẹp: Không xấu, không làm hư hoại sắc xanh, vàng, đỏ, trắng. Sắc xấu: Xấu, làm hư hoại sắc xanh, vàng, đỏ, trắng. Sắc đối với sắc

nầy sinh tri kiến thù thắng: Dứt bỏ ái côi Dục, vượt qua ái dục, duyên lấy sắc trước kia, đều được tự tại, đó gọi là thù thắng. Cũng như gia chủ, con của gia chủ sai khiến tôi tớ đều được tự tại, sự duyên lấy kia cũng giống như thế, đó gọi là Thắng xứ đầu tiên. Ban đầu, nghĩa là theo thứ lớp ở lúc đầu, nên gọi là đầu tiên.

Lại nữa, lúc theo thứ lớp nhập định kia, vì mới nhập nên gọi là Thắng xứ ban đầu. Thắng xứ: Nếu nhập định nầy thì sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều thiện, đó gọi là Thắng xứ. Như Thắng xứ ban đầu. Thắng xứ thứ hai cũng giống như vậy.

Khác: Trước quán ít, nay quán nhiều. Nhiều có hai thứ:

1. Cảnh giới nhiều.
2. Tự tại nhiều.

Các quán khác, như trên đã nói: Trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài.

Trong không có tướng sắc: Trong không tu tướng sắc, là tướng sắc, quán một chút sắc ngoài. Quán tướng khác, nói rộng như trên. Đó gọi là Thắng xứ thứ ba.

Như Thắng xứ thứ ba, Thắng xứ thứ tư cũng vậy. Khác: Một chút quán thứ ba, quán sắc đẹp xấu. Quán thứ tư nhiều, nội không có tướng sắc, quán sắc ngoài như trên đã nói.

Quán sắc xanh: Tạo ra quán giải như thế, tất cả các sắc hoặc lược, hoặc rộng, đều quán là màu xanh. Như đối tượng quán, sở hành của nhãn thức. Kế là sinh ý thức quán sắc xanh, sự sáng suốt xanh, bóng xanh. Cũng thế, trong không có tướng sắc, quán sắc xanh, sự sáng suốt sinh, bóng xanh bên ngoài.

Sinh thấy biết thù thắng: Dứt bỏ ái dục, vượt qua ái dục, đó gọi là vượt thắng đối với sắc. duyên với lấy sắc trước kia đều được tự tại. Giống như đại gia chủ, con của đại gia chủ sai khiến tôi tớ đều được tự tại. Sự thù thắng kia cũng giống như thế.

Có tướng như thế: Là khởi tướng như thế hiện ở trước. Đó gọi là Thắng xứ thứ năm. Về nghĩa của Thắng xứ thứ năm, đã nói rộng như trên. Như sắc xanh, đối với sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng, cũng nói giống như thế.

Mỗi sắc đều khác: Thắng xứ vàng, nên nói dụ về hoa Ca-na-ca. Sắc đỏ: Nên nói thí dụ về hoa Bàn-đầu-kỳ-bà-ca sắc trắng: Nên nói dụ về hoa Ưu-sư-ca-tinh.

Hỏi: Bốn thứ sắc nầy, sắc nào đẹp nhất?

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Sắc trắng đẹp nhất. Người đời cũng nói

màu trắng là màu tốt lành. Giống như trong bốn phương, phương Đông là hơn hết. Người đời cũng gọi là tốt lành. Màu trắng kia cũng giống như thế.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Quán màu trắng: thì Tâm thanh tịnh, không thuận theo pháp ngũ ngũ.

Mười Nhất thiết xứ, cho đến nói rộng.

Hỏi: Thể tánh của mười Nhất thiết xứ là gì?

Đáp: Tánh là căn thiện vô tham, đối trị với tham. Nếu nhận lấy sự hồi chuyển tương ứng, là tánh của bốn ấm, năm ấm. Nếu là bốn ấm cõi Dục, hoặc năm ấm cõi Sắc thì thể tánh của Nhất thiết xứ nơi Không xứ, Thức xứ, là bốn ấm. Đây là thể tánh của Nhất thiết xứ, cho đến nói rộng.

Đã nói thể tánh của Nhất thiết xứ. Nay sẽ nói về lý do:

Vì sao gọi là Nhất thiết xứ? Nhất thiết xứ là nghĩa gì?

Đáp: Vì hai sự, nên gọi là Nhất thiết xứ:

1. Do không thiếu.

2. Do rộng lớn.

Không thiếu: Không có xứ sở duyên ở địa. Lại duyên với nước, như duyên với đất. Nếu duyên với nước, duyên với lửa, gió, màu xanh, vàng, đỏ, trắng, không xứ, Thức xứ không thiếu cũng giống như thế.

Rộng lớn: duyên khắp với địa, cho đến duyên khắp với thức.

Tôn giả Phật Bà-đề Bà nói: duyên khắp tất cả, không có chỗ trống, gọi là Nhất thiết xứ.

Giới: Tám ở cõi Sắc, hai ở cõi Vô sắc.

Địa: Tám ở địa đệ Tứ thiên. Nhất thiết xứ của Không xứ, địa Không xứ. Nhất thiết xứ của Thức xứ. Vì sao? Vì tịnh giải thoát ở địa đệ Tứ thiên có thể nhập bốn Thắng xứ sau. Bốn Thắng xứ sau có thể nhập vào tám Nhất thiết xứ. Tịnh giải thoát duyên với cảnh giới tịnh, không thể phân biệt Thắng xứ hoặc đẹp hoặc xấu, xanh, vàng, đỏ, trắng. Chủ thể phân biệt, không thể khiến cho vô biên Nhất thiết xứ, có thể khiến cho vô biên màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Sắc này dựa vào pháp nào? Biết là dựa vào bốn đại. Cho nên, kể là quán vô biên đất, vô biên nước, vô biên lửa, vô biên gió. Sự rộng lớn này do cái gì sinh ra? Vì giác, nên biết sắc v.v... dựa vào không. Vì vậy, kể là quán vô biên Không xứ. Giác kia đã dựa vào pháp nào? Dựa vào thức. Vì thế kể là quán thức vô biên, thức lại không có chỗ nương dựa, nên không lập Nhất thiết xứ.

Thân nương dựa: là Tám thứ dựa vào thân cõi Dục, hai thứ sau dựa vào thân ba cõi.

Hành: Không hành mà hành.

Duyên: Tám duyên với cõi Dục. Duyên nơi pháp nào cõi Dục?

Đáp: duyên với sắc nhập, hai thứ duyên với cõi Vô sắc.

Niệm xứ: Tám thứ đi chung với thân niệm xứ, hai thứ sau đi chung với pháp niệm xứ.

Trí: Đều đi chung với đẳng trí.

Tam-muội: không đi chung với tam-muội.

Căn: Tương ứng với một xả căn.

Quá khứ, vị lai, hiện tại: Là ba đời.

Duyên nơi ba đời: là Tám quá khứ: duyên với quá khứ, vị lai sẽ sinh: duyên với vị lai, sẽ bất sinh: duyên với ba đời. Hiện tại: Duyên với hiện tại. Hai pháp sau: duyên với ba đời.

Thiện, bất thiện vô ký: Là thiện duyên với thiện. Bất thiện vô ký: Tám duyên với ba thứ, hai duyên với thiện, vô ký.

Là lệ thuộc, không lệ thuộc ba cõi: Tám thứ là lệ thuộc cõi Sắc, hai là lệ thuộc cõi Vô sắc. Duyên nơi lệ thuộc, không lệ thuộc ba cõi: Tám thứ duyên với lệ thuộc cõi Dục, hai duyên với lệ thuộc cõi Vô sắc. Là Học, Vô học, Phi học Phi Vô học: Là Phi học Phi Vô học.

Duyên Học, Vô học, Phi học Phi Vô học: là Duyên với Phi học Phi Vô học.

Là kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không dứt: Là tu đạo dứt. Duyên kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không dứt: Tám thứ duyên tu đạo dứt, hai thứ duyên kiến đạo, tu đạo dứt.

Duyên danh, duyên nghĩa: Là duyên nghĩa.

Duyên nơi thân mình, thân người, chẳng phải pháp thân: Tám thứ duyên với thân người, hai thứ duyên với thân mình, thân người.

Là ly dục đắc, phương tiện đắc: Là Ly dục đắc là phương tiện đắc. Ly dục đắc: nghĩa là khi lìa dục thì đạt được. Phương tiện đắc: Là thực hành phương tiện thì được.

Phật không dùng phương tiện khởi hiện ở trước. Bích-chi Phật dùng phương tiện phẩm hạ. Thanh văn có khi dùng phương tiện phẩm trung, có khi dùng phẩm thượng.

Là vốn được, không hề được: Là vốn được, cũng là không hề được. bậc Thánh, phàm phu nội đạo, cũng là vốn được, cũng là không hề được. Phàm phu khác là vốn được.

Hỏi: Phương tiện của Nhất thiết xứ là thế nào?

Đáp: Bốn, dùng nhãn thức làm phương tiện. Khi đầy đủ, duyên với sắc nhập xanh, vàng, đỏ, trắng. Bốn dùng thân thức làm phương tiện khi

đầy đủ, duyên với xúc nhập của đất, nước, lửa, gió.

Lại có thuyết nói: Bảy là dùng nhãn thức làm phương tiện trừ Nhất thiết xứ gió.

Lại có thuyết nói: Tám, dùng nhãn thức làm phương tiện.

Hỏi: Nhất thiết xứ, của gió, sao lại dùng nhãn thức làm phương tiện?

Đáp: Nhãn thức cũng nhận lấy sắc của gió, nhập vào tướng như thế gọi là có trần, không trần, đầy đủ Nhất thiết xứ như gió Tỳ-lam v.v..., Nhất thiết xứ của Không xứ, dùng không làm phương tiện. Nhất thiết xứ của Thức xứ, dùng thức làm phương tiện.

Mười Nhất thiết xứ. Thế nào là mười quán? Các địa bên trên dưới đều không có thiếu, không có hạn lượng. Thượng là phương trên, hạ là phương dưới. Các bên: Là bốn phương, bốn duy. Không có thiếu là Không xen lẫn. Vô lượng: là Không có bờ mé. Đó gọi là Nhất thiết xứ ban đầu. Ban đầu: Vì theo số thứ lớp ở, nên gọi là ban đầu.

Lại nữa, khi thuận theo thứ lớp nhập định này, vì nhập đầu tiên, nên gọi là ban đầu. Nhất thiết xứ: Khi nhập định này, sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều thiện. Đây là Nhất thiết xứ, cho đến Thức xứ. Nhất thiết xứ, cũng nói giống như thế.

Khác nhau: Nhất thiết xứ của Không xứ, Nhất thiết xứ của Thức xứ, không nói về sắc ấm.

Hỏi: Tám Nhất thiết xứ duyên với các bên trên dưới có thể như thế. Vì sao? Vì chỗ duyên của tám Nhất thiết xứ kia có nơi chốn, nên chỗ duyên với Nhất thiết xứ của Không xứ, Nhất thiết xứ của Thức xứ không có nơi chốn, làm sao có các bên trên dưới?

Đáp: Tám Nhất thiết xứ, nên nói có các bên trên, dưới, còn hai Nhất thiết xứ không có các bên trên dưới.

Nếu nói như thế, thì có ý gì?

Đáp: Người thực hành định này, vì các bên trên, dưới, như tu Nhất thiết xứ của Không xứ trong cõi người là phương dưới, tu Nhất thiết xứ của Thức xứ trong cõi Tứ thiên vương là phương trên. Phương còn lại cũng nói giống như thế.

Hỏi: Vì sao Đệ Tam thiên không có giải thoát, không có Thắng xứ, không có Nhất thiết xứ?

Đáp: Vì cõi ấy chẳng phải ruộng phước, chẳng phải đồ đựng, cho đến nói rộng.

Lại nữa, vì đối trị sắc ái cõi Dục, nên Sơ thiên lập giải thoát để đối trị sắc ái của Sơ thiên. Đệ Nhị thiên lập giải thoát, vì đệ Nhị thiên

không có sắc ái. Đệ Tam thiền không lập giải thoát, vì đệ Tam thiền không có giải thoát, cũng không có Thắng xứ, cũng không có Nhất thiết xứ. Vì sao? Vì giải thoát nhập Thắng xứ, vì Thắng xứ nhập Nhất thiết xứ.

Lại nữa, vì xa, nên không vi diệu. Đệ Tam thiền xa đối với cõi Dục, không vi diệu đối với Tứ thiền.

Lại nữa, vì như định Vô sắc thứ ba, nên Không xứ, Thức xứ có vô biên hành. Phi tướng Phi phi tướng xứ có định Diệt. Vô sở hữu xứ không có vô biên hành, cũng không có định Diệt. Như căn thiện của định Vô sắc thứ ba giảm ít, đệ Tam thiền cũng giống như thế.

Lại nữa, đệ Tam thiền có thọ lạc hơn hết của tất cả sinh tử, hành giả thường mê đắm lạc ở trong đó, không thể khởi giải thoát, Thắng xứ, Nhất thiết xứ.

Hỏi: Nếu vậy vì sao có công đức Vô lượng như thần thông v.v...?

Đáp: Vì tất cả khởi, nên không cần có tất cả công đức. Nếu ngay địa ấy không có Vô lượng không có thần thông, thì địa ấy chính là địa trống rỗng, không có công đức.

Kinh Phật nói: Người nhập tất cả định của địa nghĩ như thế này: Địa tức là ta, ta tức là địa. Ta, định với địa, không hai, không khác biệt. Nhất thiết xứ khác cũng giống như thế.

Hỏi: Nếu được Nhất thiết xứ, thì phải lìa dục của đệ Tam thiền. Nếu chấp địa là ta, thì đó là thân kiến của địa đệ Tứ thiền chấp địa đệ Tứ thiền là ta, thì Nhất thiết xứ duyên cõi Dục, điều này làm sao có thể như thế?

Đáp: Ở đây gọi bất định, là định, như phi Sa-môn, gọi là Sa-môn, chẳng phải Bà-la-môn, gọi là Bà-la-môn. Bất định gọi là định kia cũng giống như thế.

Lại nữa, đây là nói việc đã được trước kia. Ví như quốc vương dù bị mất nước, nhưng việc giàu sang cũng vẫn được gọi là vua. Bất định gọi là định ở đây cũng thế. Trước đã được định này nhưng lìa mất, vì từng được định, nên nói như thế.

Lại nữa, định kia là người nhanh chóng nhập định, lìa lại ở định ấy, khởi thân kiến cõi Dục, chấp địa cõi Dục là ta, rồi lại nhanh chóng lìa dục, khởi Nhất thiết xứ, lại duyên với cõi Dục. Như Đê-bà-đạt-đa có thể nhanh chóng nhập định, do sức thần túc, nên tự hóa thành đũa trẻ cạo đầu năm hoa, đeo vàng, chuỗi Anh lạc, cùng với Thái tử A-xà-thế bổng bế xoay vần dạo chơi. Lại hiện ra tướng này, khiến Thái tử A-xà-thế biết là Đại thánh Đê-bà-đạt-đa. Bấy giờ, Thái tử A-xà-thế bổng đũa

bé, đùa cợt, rồi nhổ đàm dãi vào miệng đứa bé. Vì tham lợi dưỡng, nên nuốt lấy đàm dãi của Thái tử. Do vậy, nên Đức Thế tôn bảo Đề-bà-đạt-đa: Ông như tử thi, là kẻ ăn đàm dãi. Lúc nuốt ăn đàm dãi kia, thì đã lười mất thần túc. Vì nhập định nhanh chóng, nên lìa được lìa dục, tự hóa ra thân mình, lại được Thái tử bồng trên tay, thông thả dạo chơi.

Lại nữa, thân kiến chấp địa Đệ Tứ thiền là ta, Nhất thiết xứ cũng quán địa đệ Tứ thiền là ta.

Hỏi: Nhất thiết xứ có duyên với cõi Dục hay không?

Đáp: Cũng có duyên với đệ Tứ thiền.

Nếu nói như thế thì Nhất thiết xứ cũng duyên với Đệ Tứ thiền.

Hỏi: Nếu vậy thì chư Thiên cõi Sắc đều thuần là màu trắng, sao lại quán các màu xanh, vàng, đỏ?

Đáp: Người kia nói rằng: Thân chư Thiên cõi Sắc, thuần một màu trắng, các vật chẳng phải số chúng sinh, có sắc xanh, vàng, đỏ. Không nên nói rằng: Nếu thân kiến tương ứng với Nhất thiết xứ, thì có lỗi như thế, sao lại nói là pháp cộng hữu tương ứng. Hoặc duyên với cõi Dục, hoặc duyên với thân kiến của Đệ Tứ thiền, không tương ứng với Nhất thiết xứ. Tuy nhiên, một người cũng gọi là chấp ngã, cũng gọi là được định. Vì khởi lên thân kiến, nên gọi là chấp ngã. Vì khởi Nhất thiết xứ, nên gọi là được định. Thân kiến chấp địa đệ Tứ thiền là ngã. Nhất thiết xứ duyên với cõi Dục, vì chẳng phải cùng lúc, nên kinh này khéo hiểu.

Có địa định, có địa định Nhất thiết xứ, cho đến có Bạch định, có bạch định Nhất thiết xứ.

Hỏi: Địa định, địa định Nhất thiết xứ có gì khác nhau?

Đáp: Địa định thì ở địa bốn thiền cõi Dục, còn định Nhất thiết xứ thì ở đệ Tứ thiền.

Lại nữa, phương tiện là định, đầy đủ là Nhất thiết xứ.

Lại nữa, nhân là định, quả là Nhất thiết xứ.

Lại nữa, phần ít là định, hiện khắp là Nhất thiết xứ. Đây là sự khác nhau giữa địa định và địa Định Nhất thiết xứ.

Hỏi: Thắng xứ Giải thoát và Nhất thiết xứ có gì khác nhau?

Đáp: Danh tức khác nhau, đó gọi là giải thoát, đó gọi là Thắng xứ, đó gọi là Nhất thiết xứ.

Lại nữa, căn thiện phẩm hạ là giải thoát, căn thiện phẩm trung là Thắng xứ, căn thiện phẩm thượng là Nhất thiết xứ.

Lại nữa, căn thiện ít là phần giải thoát nhiều hơn, căn thiện phẩm trung là Thắng xứ Vô lượng, căn thiện phẩm thượng là Nhất thiết xứ.

Lại nữa, nhân là giải thoát, quả là Nhất thiết xứ, nhân quả là Thắng xứ.

Lại nữa, nghĩa vất bỏ là giải thoát, nghĩa duyên hơn hẳn là Thắng xứ, nghĩa duyên với khắp là Nhất thiết xứ.

Lại nữa, tâm giải thoát là giải thoát, nghĩa thắng nơi phiền não là Thắng xứ, nghĩa hiện bày khắp, không có thiếu là Nhất thiết xứ.

Lại nữa, nếu được giải thoát, không hẳn là được Thắng xứ, Nhất thiết xứ. Nếu được giải thoát, thắng xứ thì không hẳn là được Nhất thiết xứ. Nếu được Nhất thiết xứ, thì tất nhiên được giải thoát, Thắng xứ. Vì sao? Vì giải thoát có thể nhập Thắng xứ, Thắng xứ có thể nhập Nhất thiết xứ. Giải thoát, Thắng xứ, Nhất thiết xứ, đây là sự khác nhau.

Tám trí là: là Pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, diệt trí và đạo trí.

Thế nào là pháp trí, cho đến đạo trí, nói rộng như kinh này?

Hỏi: Vì sao Tôn giả Ca-chiên-diên-tử ở trong luận này, dùng tám trí để soạn luận?

Đáp: Vì Tôn giả ấy có ý mong muốn như thế, vì có thể như thế như thế, nên Tôn giả đã dùng tám trí để soạn luận này. Tùy ý muốn của Tôn giả cũng không trái với Pháp tướng, lập ra tám trí mà soạn luận này. Chỗ khác cũng lập tám trí để soạn luận, như Định, nói trong Kiền-độ Trí, hoặc muốn dùng hai trí, tức lập hai trí, như trong Kiền-độ Trí đã nói: Tha tâm trí, trí nghĩ đến đời trước. Trong Kiền-độ Căn cũng lập pháp trí, tỷ trí. Nơi Kiền-độ Trí lập tận trí, trí vô sinh. Hoặc muốn dùng bốn trí để soạn luận, tức lập bốn trí, như trong Kiền-độ Căn đã nói.

Nếu Khổ trí là khổ trí vô lậu? Cho đến nếu đạo trí là đạo trí vô lậu chăng?

Hoặc muốn dùng mười trí để soạn luận, tức lập mười trí tùy theo sự nhận biết của Tôn giả kia. Ví như người thợ gốm do biết khối đất sét để trên bánh xe quay, tùy ý của người thợ muốn nặn ra các thứ đồ vật, không hao tổn kỹ năng của mình. Tôn giả kia cũng giống như thế. Do văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ, trừ bỏ lỗi của chỗ biết, tùy ý Tôn giả muốn mà soạn luận, không trái với pháp tướng, cũng giống như thế.

Lại nữa, không nên tìm xét lý do vì sao Tôn giả kia lập ra tám trí. Vì sao? Vì đấy là kinh Phật, kinh Phật nói tám trí là pháp trí cho đến đạo trí.

Tôn giả kia cho kinh Phật là nhân duyên căn bản của luận này, nên dựa vào tám trí để soạn luận. Tôn giả kia không có năng lực, ở trong tám trí bớt một trí, nói bảy trí, hoặc thêm một trí nói chín trí. Vì

sao? Vì kinh Phật không có thêm bớt. Không tăng, là không thêm có thể bớt. Không bớt, là không bớt để có thể tăng. Như không tăng, không bớt, không lợi ích, không tổn hại, Vô lượng, vô biên. Vô lượng: Là Vô lượng nghĩa. Vô biên: là vô biên văn, giống như nước biển là Vô lượng, vô biên. Vô lượng là sâu Vô lượng, vô biên là rộng vô biên. Tất cả kinh Phật cũng Vô lượng, vô biên. Vô lượng là nghĩa Vô lượng, vô biên là văn vô biên.

Trăm ngàn Luận sư như Tôn giả Xá-lợi-phất v.v..., vì muốn giải thích nghĩa hai câu kinh Phật, nên đã tạo ra trăm ngàn Na-do-tha luận, nhưng vì đều lui sụt giác tánh của họ, nên không thể biết được bờ mé của nghĩa hai câu đã đến bờ kia trong kinh Phật.

Hỏi: Nếu kinh Phật là nhân duyên căn bản của luận này; trong kinh Phật nói có nhiều thứ trí. Hoặc nói hai trí, như trong hai pháp, hoặc nói bốn trí như trong bốn pháp, hoặc nói tám trí như trong tám pháp. Hoặc nói mười trí như trong mười pháp. Vì sao Tôn giả kia, ở trong nhiều thứ trí, mà Kiền-độ Sử này lại dựa vào tám trí soạn luận?

Đáp: Tám trí nói ở đây, là gồm nhiếp tất cả trí, hai trí tuy gồm nhiếp tất cả trí là nói sơ lược. Mười trí tuy gồm nhiếp tất cả trí, là nói rộng.

Lại nữa, nếu trí thường tu, thường hiện ở trước, thì sẽ dựa vào trí này mà soạn luận.

Lại nữa, tám trí này vừa là trí tánh, cũng là kiến tánh. Tận trí, trí vô sinh tuy là trí tánh, nhưng chẳng phải tánh kiến.

Lại nữa, nếu trí có thể đạt được trong thân người có dục, không có dục, thì sẽ dựa vào trí này mà soạn luận. Tận trí, trí vô sinh là trí có thể đạt được trong thân người không có dục.

Lại nữa, nếu trí có thể đạt được trong thân bậc Hữu học Vô học, thì sẽ dựa vào trí này mà soạn luận. Tận trí, trí vô sinh là trí có thể đạt được trong thân bậc Vô học. Như Hữu Học, Vô học, công việc đang làm, công việc đã làm, chưa trút bỏ gánh nặng, đã trút bỏ gánh nặng chưa kịp lợi mình, đã kịp lợi mình, có cầu, không cầu, nên biết cũng thế.

Tôn giả kia hoặc dựa vào một trí của khoảng sát-na để soạn luận như Kiền-độ Táp nói: có khi nào một trí biết tất cả pháp hay chẳng? Đáp: Không biết. Nếu dựa vào mười trí mà soạn luận, thì luận này không thành. Nếu dựa vào chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai trí mà soạn luận, thì luận này không thành. Cho đến một trí khoảng hai sát-na mà soạn luận thì luận này cũng không thành. Vì sao? Vì khoảng sát-na của trí ban đầu, không biết pháp cộng hữu, tương ứng của tự thể.

Khoảnh khắc sát-na thứ hai, mới biết được pháp cộng hữu, tương ứng của trí trước. Trong ấy, dựa vào một trí của khoảnh sát-na mà soạn luận?

Đáp: Không biết.

Hoặc nói một trí gồm nhiếp tất cả trí, nghĩa là Pháp trí, chẳng phải trí như pháp, vì thể là pháp. Hoặc nói hai trí gồm nhiếp tất cả trí, như trí hữu lậu, trí vô lậu, trí bị ràng buộc, trí giải thoát, trí lệ thuộc, trí không lệ thuộc.

Hoặc nói ba trí gồm nhiếp tất cả trí: Như pháp trí, tử trí, đẳng trí. Hoặc nói bốn pháp gồm nhiếp tất cả trí: Ba trí trước, lại thêm tha tâm trí. Hoặc nói năm trí gồm nhiếp tất cả trí: Như đẳng trí, khổ, tập, diệt, đạo trí. Hoặc nói sáu trí gồm nhiếp tất cả trí: Năm trí trước, thêm vào tha tâm trí. Hoặc nói bảy trí gồm nhiếp tất cả trí, trừ tha tâm trí. Hoặc nói tám trí gồm nhiếp tất cả trí, thêm tha tâm trí.

Hỏi: Nếu tám trí gồm nhiếp tất cả trí, nghĩa là lại có tám trí: Trí Pháp trụ, trí Niết-bàn, trí Sinh tử, trí Lậu tận, trí nghĩ đến đời trước, nguyện trí, tận trí, trí vô sinh, thì làm sao gồm nhiếp?

Đáp: Mặc dù lại có tám trí, nhưng cũng thuộc về tám trí này. Vì sao? Vì tám trí này đều ở trong tám trí trước.

Hỏi: Sao tám trí này lại ở trong tám trí trước?

Đáp: Trụ được gọi là nhân của các pháp, quả thượng, trung, hạ của ba cõi trụ ở trong nhân. Nếu biết trí này thì gọi là trí nhân. Trí nhân là tánh của bốn trí: Đẳng trí, pháp trí, tử trí, tập trí. Trí Niết-bàn là diệt trí, cũng là tánh của bốn trí: Đẳng trí, pháp trí, tử trí, diệt trí. Sinh tử trí: Người cựu A-tỳ-đàm, Sa-môn nước Kế-tân nói: Là một trí, nghĩa là đẳng trí.

Tôn giả Bà-ma-lặc nói: Trí sinh tử là tánh của bốn trí: Pháp trí, tử trí, đẳng trí, khổ trí.

Lời bình: Nên nói rằng: Là một đẳng trí tức trí lậu tận.

Hoặc có thuyết nói: Là lậu tận, vì có thể đạt được trong thân người, nên gọi là trí lậu tận.

Hoặc nói rằng: Là tánh của mười trí.

Hoặc có thuyết nói: Trí lậu tận là trí duyên với lĩnh vực lậu tận.

Hoặc nói rằng: Trí lậu tận là tánh của bốn trí: Pháp trí, tử trí, đẳng trí, diệt trí.

Về trí nghĩ đến đời trước, người cựu A-tỳ-đàm, Sa-môn nước Kế-tân nói rằng: Là một đẳng trí.

Tôn giả Cù-sa nói: Là sáu trí, trừ diệt trí, tha tâm trí, chẳng phải

tha tâm trí. Vì sao? Vì tha tâm trí duyên với pháp hiện tại chẳng phải diệt trí. Vì sao? Vì diệt trí duyên với pháp vô vi.

Lời bình: Nên nói rằng: Là một đẳng trí. Nguyên trí là một đẳng trí.

Hoặc có thuyết nói: Là tánh của tám trí: Trừ tận trí, trí vô sinh. Vì sao? Vì nguyên trí là tánh kiến, còn hai trí kia chẳng phải tánh kiến.

Lời bình: Nên nói rằng: Nguyên trí là một đẳng trí, tận trí, trí vô sinh là sáu trí: đó là pháp trí, tử trí, khổ, tập, diệt, đạo trí.

Vì việc như thế v.v..., nên tám trí gồm nhiếp tất cả trí.

Tôn giả tăng-già-bà-tu nói: Nên nói một trí, đó là trí quyết định. Vì sao? Vì nghĩa quyết định là nghĩa trí. Nghĩa quyết định kia có hữu lậu, có vô lậu, có bị ràng buộc, có giải thoát, có lệ thuộc, có không lệ thuộc.

Có hữu lậu: Là đẳng trí, là bị ràng buộc, là lệ thuộc. Trí vô lậu là giải thoát, là không lệ thuộc. Hoặc là đối trị cõi Dục, hoặc là đối trị cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hoặc là đối trị cõi Dục: Là pháp trí. Hoặc là đối trị cõi Sắc, cõi Vô sắc: Là tử trí, ba trí này, nếu biết pháp tâm, tâm sở của người khác là trí biết tâm người khác. Trí quyết định vô lậu. Hoặc hành bốn hành như khổ, cho đến bốn hành như đạo. Nếu hành bốn hành như khổ, là khổ trí, cho đến nếu hành bốn hành như đạo, thì là đạo trí.

Hỏi: Nếu vậy thì chỉ có ba trí, đó là pháp trí, tử trí và đẳng trí hay sao?

Đáp: Đúng thế! Chỉ có ba trí là pháp trí, tử trí và đẳng trí.

Hỏi: Nếu vậy thì làm thế nào lập tám trí?

Đáp: Vì năm việc:

1. Do đối trị.
2. Do phương tiện.
3. Do tự thể.
4. Do hành.
5. Do duyên với hành.

Do đối trị: Là pháp trí, tử trí. Phương tiện: Là tha tâm trí. Tự thể: Là đẳng trí. Hành: Là khổ trí, tập trí. Vì sao? Vì trí này hành không đồng duyên. Hành đồng với duyên: Là diệt trí, đạo trí. Vì sao? Vì trí này duyên với không đồng, hành không đồng.

Vì năm việc này, nên lập tám trí.

Tôn giả Bà-ma-lặc nói: Vì đối trị với bốn thứ ngu, nên lập tám trí. Bốn thứ ngu là: Ngu giới, ngu tâm, ngu pháp và ngu đế. Vì đối trị với

ngu giới, nên nói pháp trí, tỷ trí. Vì đối trị với ngu tâm, nên nói tha tâm trí. Vì đối trị với ngu pháp, nên nói đẳng trí. Vì đối trị với ngu đế, nên nói trí khổ, tập, diệt, đạo.

Đây là thể tánh của trí cho đến nói rộng, đã nói về thể tánh. Nay sẽ nói về lý do của trí:

Vì sao gọi là trí? Trí là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa quyết định là nghĩa trí.

Hỏi: Nếu nghĩa quyết định là nghĩa của trí, thì trí tương ứng với nghi, tức chẳng phải trí. Vì sao? Vì không quyết định.

Đáp: Tuệ tương ứng với nghi cũng là trí. Chỉ vì nghi có thể dụng ở trong nhóm, nên nói là nhóm nghi. Như người nặng về ái, gọi là ái hành, chẳng phải không có giận, si, mà là vì ái có thể dụng, nên gọi là ái hành. Trí quyết định kia cũng giống như thế. Hạnh giận, hạnh si, cũng nói giống như vậy.

Phái Thí dụ giả nói rằng: Nếu tâm có trí, đều là trí. Nếu tâm quyết định thì không do dự. Nếu tâm có thô thì không có tế. Cũng vì người A-tỳ-đàm nói lỗi, ông nói pháp tướng giống như ngần ấy cỏ cây xen lẫn, sinh ở một chỗ, mà vô tướng riêng. Trong nhất tâm có trí, không có trí, chẳng phải trí, chẳng phải không trí, do dự, quyết định, chẳng phải do dự, chẳng phải quyết định, thô, tế, chẳng phải thô, chẳng phải tế.

Người A-tỳ-đàm nói rằng: Lúc ngã pháp sinh, là nhóm sinh trong nhất tâm, có trí, không có trí, chẳng phải trí, chẳng phải không có trí, quyết định, do dự, chẳng quyết định, chẳng do dự, thô, tế, chẳng thô, chẳng tế. Trí là trí, chẳng trí là vô minh. Chẳng phải trí, chẳng phải vô trí: Là pháp tâm, tâm sở khác. Do dự: Là nghi. Quyết định: Là tuệ. Chẳng quyết định, chẳng do dự: Là pháp tâm, tâm sở khác. Thô là giác, tế là quán. Chẳng thô, chẳng tế là pháp khác.

Lại có thuyết nói: Vì hai việc, nên gọi là trí:

1. Do quyết định.

2. Do thích hợp.

Biết khổ, cho đến biết đạo, gọi là quyết định, vì tự thích hợp, thích hợp với người, nên gọi là thích hợp.

Đã nói chung về các trí. Về lý do, nay sẽ nói từng thứ một.

Vì sao gọi là pháp trí?

Đáp: Vì thể là pháp, nên gọi là pháp trí.

Hỏi: Thể của trí khác cũng là pháp, vì sao không gọi là pháp trí?

Đáp: Trí khác dù thể là pháp nhưng pháp trí là pháp. Như mười tám giới dù thể là pháp, thể của mười hai nhập cũng là pháp. Thể của

bảy giác chi cũng là pháp. Thể của bốn niệm xứ cũng là pháp, thể của bốn tịnh bất hoại cũng là pháp. Thể của bốn vô ngại cũng là pháp. Thể của ba quy, ba ngôi báu cũng là pháp, nhưng pháp giới, pháp nhập, Trạch pháp, giác chi, niệm pháp, pháp niệm xứ, pháp tịnh bất hoại, pháp vô ngại, pháp quy, pháp bảo, đều gọi là Pháp.

Thể của mười trí như thế tuy là pháp, nhưng chỉ pháp trí gọi là Pháp.

Lại nữa, pháp trí có một danh, trí còn lại có hai danh. Pháp trí là tên chung, trí còn lại là tên chung, không chung, lấy tên không chung để nói.

Lại nữa, vì mới biết pháp, nên gọi là pháp trí, về sau biết pháp, nên gọi là tỷ trí.

Lại nữa, tương với trí kia mới được tín pháp, gọi là pháp trí. Về sau, được tin pháp, gọi là tỷ trí.

Lại nữa, vì hiện thấy ở trong pháp, nên gọi là pháp trí, vì hiện sinh sau nên gọi là tỷ trí.

Lại nữa, cõi Dục thường là các phiền não phi pháp, như các phi pháp phần, hận, siểm, cuống, buông lung, hại v.v... Pháp nào đối trị gần của các phiền não ấy? Đó là pháp trí.

Vì cõi Sắc, cõi Vô sắc không có phiền não phi pháp như cho nên gọi là tỷ trí.

Lại nữa, nếu trí thuộc về sáu địa, thì trí duyên với sáu địa là pháp trí, nếu trí thuộc về chín địa, thì trí duyên với tám địa là tỷ trí. Lại nữa, nếu trí thuộc về sáu địa duyên với một địa thì đó là pháp trí nếu trí thuộc về chín địa duyên với chín địa là tỷ trí.

Lại nữa, nếu trí đối trị mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, thì đó là pháp trí, nếu trí đối trị với mười bốn giới, mười hai nhập, năm ấm, thì đó là tỷ trí.

Lại nữa, nếu trí đối trị với năm ấm thiện, bất thiện, vô ký, thì đó là pháp trí. Nếu trí đối trị với năm ấm thiện, vô ký, tức là Tỷ trí, nếu trí đối trị với hành vi phước, phi phước, bất động thì đó là Pháp trí, nếu trí đối trị với hạnh phước, bất động thì đó là tỷ trí.

Lại nữa, nếu trí đối trị với ái đoàn thực, ái dâm dục, thì đó là pháp trí, nếu trí đối trị với ái định đó là tỷ trí, thì vì sao gọi là biết trí tha tâm?

Đáp: Vì biết được tâm người, nên gọi là trí biết tha tâm.

Hỏi: Cũng biết pháp tâm sở của người, vì sao chỉ gọi là trí biết tâm người khác?

Đáp: Vì tâm trông mong, nên tâm trông mong của hành giả nghĩ rằng: khiến ta biết được tâm người, nếu biết tâm người dĩ nhiên cũng biết số pháp. Cũng như có người nghĩ rằng này: Khiến cho ta thấy vua, nếu khi thấy vua, thì cũng thấy người hầu cận vua. Biết được tâm người cũng giống như thế.

Lại nữa, pháp này do các việc, nên được tên. Hoặc do tự thể, hoặc do đối trị, hoặc do phương tiện, hoặc do tương ứng, hoặc do chỗ nương, hoặc do hành, hoặc do duyên, hoặc do hành duyên.

Do tự thể: Nghĩa là như ấm, như đế, như đẳng trí.

Do đối trị: Như pháp trí, tỷ trí. Nếu đối trị cõi Dục, thì gọi là pháp trí. Nếu đối trị với cõi Sắc, cõi Vô sắc thì gọi là tỷ trí.

Do phương tiện: Như Không xứ, Thức xứ, năm hiện tam-muội, tha tâm trí.

Do tương ứng: Như kinh Bà-già-la nói: Thế nào là pháp lạc thọ?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với lạc, thọ.

Thế nào là pháp khổ thọ?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với khổ thọ.

Thế nào là pháp bất khổ, bất lạc thọ?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với bất khổ, bất lạc thọ.

Do chỗ nương: Nhân thức cho đến Ý thức. Nếu nương vào nhãn sinh thì gọi là nhãn thức. Cho đến nương nơi ý sinh, gọi là ý thức. Do hành là khổ trí, tập trí. Vì sao? Vì hành của trí này không đồng mà duyên đồng.

Hoặc do duyên: Là tam-muội niệm xứ vô tướng.

Do hành duyên: Là diệt trí, đạo trí. Vì sao? Vì hành kia không đồng, duyên cũng không đồng.

Lại nữa, vì danh, nghĩa thù thắng, nên trong nhóm này, thế nào là hơn hết? Tâm là hơn. Ví như vua đến, quyền thuộc cũng đến nhưng chỉ nói là vua đến. Tâm kia cũng thế. Ngoài ra nói rộng, như trong Kiền-độ Tạng nói về lĩnh vực của tâm.

Vì sao gọi là đẳng trí?

Đáp: Vì người đời đồng hành trí này, nên gọi là đẳng trí. Như pháp nam, nữ đến, đi người đời hiện đang thực hành pháp v.v...

Hỏi: Cũng duyên với pháp đệ nhất nghĩa, vì sao gọi là thế trí?

Đáp: Vì theo thường, nên thường duyên với thế pháp, số ít duyên với pháp đệ nhất nghĩa.

Lại nữa, trí này vô tướng của đệ nhất nghĩa, vì nhiều người gọi nên gọi là thế trí. Giống như vua do nhiều người lập, tuy chẳng phải

chúng tộc vua, nhưng do nhiều người lập nên, cũng gọi là vua. Thế trí kia cũng giống như thế.

Lại nữa, trí này là giả danh. Vì sao? Vì tất cả người, tất cả chúng sinh, tất cả xứ đều có trí này.

Lại nữa, trí này là chỗ nương của người ngu, là nơi đặt chân của kẻ ngu.

Lại nữa, vì trí này là chỗ khác nhau, giống như người khác nhau, Thượng tọa khác với tiếng Duy na.

Phái Luận giả nói: Vì trí này đã bị vô trí che lấp, nên gọi là đấng trí, giống như vật trong đồ đựng, gọi là vật bị che đậy.

Vì sao gọi là khổ trí cho đến đạo trí?

Đáp: Vì đối trị quyết định, vì chỗ duyên quyết định, cho đến đạo trí cũng giống như thế.

Lại nữa, vì xứ sở quyết định, vì đối trị quyết định, gọi là khổ trí, cho đến đạo trí.

Lại nữa, vì bốn hành như hành khổ, nên gọi là khổ trí, cho đến bốn hành như hành đạo, nên gọi là đạo trí.

Hỏi: Nếu tuệ hữu lậu, là bốn hành như hành khổ, cho đến bốn hành như hành đạo, là khổ trí, cho đến đạo trí?

Đáp: Nếu bốn hành như hành khổ, bốn hành như hành đạo, đối với đế có quyết định: Gọi là khổ trí, đạo trí. Tuệ hữu lậu thiện tuy là bốn hành như hành khổ, cho đến bốn hành như hành đạo, nhưng vì không quyết định đối với đế, nên không gọi là khổ trí, cho đến đạo trí.

Lại nữa, nếu là bốn hành như hành khổ, cho đến bốn hành như hành đạo thì phiền não lại sinh.

Lại nữa, nếu bốn hành như hành khổ, tập, diệt, đạo, thấy không trở lại, gọi là không thấy, biết không trở lại, gọi là không biết. Lĩnh vực đã được quyết định, không bị vô tri, do dự tà kiến che lấp. Tuệ hữu lậu thiện dù là bốn hành như hành khổ v.v... nhưng thấy lại không thấy, biết lại không biết, lại bị vô minh, do dự tà kiến, che lấp.

Lại nữa, nếu bốn hành như hành khổ v.v... có thể tổn bớt, bị hủy hoại, tất nhiên đối với hữu là khổ trí, cho đến đạo trí. Tuệ hữu lậu thiện dù là bốn hành như hành khổ cho đến bốn hành như hành đạo, nhưng vẫn được tăng trưởng, nuôi lớn nơi các trường hợp khác?

Đáp: Như đã nói rộng trong Kiên-độ Táp.

Lại nữa, nếu bốn hành như hành khổ v.v... không là bốn hành như hành tập, diệt, đạo là khổ trí. Nếu bốn hành như hành tập v.v... không là bốn hành như hành khổ, diệt, đạo v.v... là tập trí. Nếu bốn hành như

hành Diệt v.v... không là bốn hành như hành khổ, tập, đạo là diệt trí. Nếu bốn hành như hành đạo không là bốn hành như hành khổ, tập, diệt v.v... là đạo trí. Tuệ hữu lậu thiện: nếu bốn hành như hành khổ v.v..., cũng là bốn hành như hành tập, diệt, đạo. Hoặc hành của hành khổ, cũng là hành của hành tập, hoặc hành của hành khổ cũng là hành của hành diệt, hoặc hành của hành khổ, cũng là hành của hành đạo. Hoặc là hành của hành tập, cũng là hành của hành diệt. Hoặc hành của hành tập, cũng là hành của hành đạo. Hoặc hành của hành diệt, cũng là hành của hành đạo.

Hoặc hành của hành khổ cũng là hành của hành tập, hành diệt. Hoặc hành của hành khổ, cũng là hành của hành tập, hành của hành đạo. Hoặc hành của hành khổ, cũng là hành của hành diệt, hành đạo, hoặc hành của hành tập, cũng là hành của hành diệt, hành đạo. Hoặc hành của hành khổ, cũng là hành của hành tập, hành diệt, hành đạo.

Lúc hành nơi hành như thế, nên nói là khổ trí, cho đến nói là đạo trí.

Lại nữa, nếu bốn hành như hành khổ, tập, diệt, đạo không đồng một lệ thuộc của khổ, tập. Tuệ hữu lậu thiện dù là bốn hành như hành khổ, tập, diệt, đạo, nhưng đều đồng một lệ thuộc của khổ, tập.

Hỏi: Diệt, đạo không đồng một lệ thuộc, vì sao không lập diệt trí, đạo trí?

Đáp: Vì bắt đầu không lập ở giữa, nên cũng không lập ở giữa.

Giới, là trí tha tâm. Hữu lậu là lệ thuộc cõi Sắc. Vô lậu là không lệ thuộc. Đẳng trí là lệ thuộc ba cõi, các trí khác là không lệ thuộc. Địa: Pháp trí ở sáu địa: Vị chí, Trung gian và bốn thiền căn bản. Tỷ trí ở chín địa, trên nói sáu địa, ba địa Vô sắc, trừ địa Phi tưởng, Phi phi tưởng. Trí tha tâm địa bốn thiền căn bản, Đẳng trí ở mười một địa. Địa Vị chí, trung gian, bốn thiền căn bản của cõi Dục, bốn địa Vô sắc phần còn lại nếu là pháp trí thì phần ở sáu địa, nếu là tỷ trí thì phần ở chín địa.

Thân sở y: Pháp trí nương thân cõi Dục. Tha tâm trí nương thân cõi Dục, cõi Sắc. Tỷ trí, đẳng trí dựa vào thân ba cõi. Trí khác, nếu là phần pháp trí, thì sẽ dựa vào thân cõi Dục, nếu là phần tỷ trí, thì sẽ nương vào thân ba cõi.

Hành: Pháp trí, tỷ trí thực hành mười sáu hành. Tha tâm trí nếu vô lậu, là bốn hành như hành đạo, hữu lậu thì hành không hành v.v... Đẳng trí hành mười sáu hành. Cũng có không hành chẳng hành: Khổ trí hành bốn hành như khổ v.v..., tập trí hành bốn hành như tập v.v..., diệt trí hành bốn hành như diệt v.v..., đạo trí hành bốn hành như đạo.

Duyên: Pháp trí, tử trí duyên với bốn đế. Tha tâm trí duyên pháp tâm, tâm sở. Đẳng trí duyên với tất cả pháp. Khổ trí duyên với khổ đế, tập trí duyên tập đế, diệt trí duyên với diệt đế, đạo trí duyên với đạo đế.

Niệm xứ: Tha tâm trí là ba niệm xứ, trừ thân niệm xứ. Diệt trí là pháp niệm xứ, trí còn lại là bốn niệm xứ.

Trí: Tức trí.

Tam-muội: Pháp trí, tử trí, đi chung với ba tam-muội. Tha tâm trí nếu vô lậu, thì sẽ đi chung với đạo tam-muội Vô nguyện, hữu lậu thì không đi chung với tam-muội. Đẳng trí không đi chung với tam-muội. Khổ trí đi chung với ba tam-muội. Tập trí cùng có với tập tam-muội Vô nguyện. Diệt trí cùng có với tam-muội Vô tướng. Đạo trí đi chung với đạo tam-muội Vô nguyện.

Căn: Đẳng trí tương ứng với năm căn. Trí khác, tóm lại, tương ứng với ba căn.

Quá khứ, vị lai, hiện tại: là ba đời. duyên với ba đời và chẳng phải đời: Pháp trí, tử trí, Đẳng trí duyên với ba đời, cũng duyên với pháp chẳng phải đời. Tha tâm trí quá khứ, nghĩa là duyên với quá khứ, hiện tại nghĩa là duyên với hiện tại, vị lai thì bất sinh, nghĩa là duyên với ba đời, tất sinh nghĩa là duyên với vị lai. Diệt trí duyên với pháp chẳng phải đời, trí còn lại duyên với ba đời.

Thiện, bất thiện, vô ký: Đẳng trí là ba thứ, trí còn lại là thiện.

Duyên thiện, bất thiện, vô ký: Tử trí duyên thiện, vô ký. Diệt trí, đạo trí duyên thiện, trí còn lại duyên ba thứ.

Là lệ thuộc ba cõi và không lệ thuộc: Tha tâm trí hữu lậu là lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô lậu là không lệ thuộc. Đẳng trí là lệ thuộc ba cõi, trí còn lại là không lệ thuộc.

Duyên lệ thuộc không lệ thuộc ba cõi,: Pháp trí duyên lệ thuộc cõi Dục và không lệ thuộc. Tử trí duyên lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc và không lệ thuộc. Trí tha tâm duyên lệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và không lệ thuộc. Đẳng trí duyên lệ thuộc ba cõi và không lệ thuộc. Khổ trí, Tập trí duyên ba cõi. Diệt trí, đạo trí duyên không lệ thuộc.

Là Học, Vô học, Phi học Phi Vô học: Trí tha tâm là ba thứ, đẳng trí là Phi học Phi Vô học. Trí còn lại là Học, Vô học,

Duyên Học, Vô học, Phi học Phi Vô học: Pháp trí, tử trí, đẳng trí, tha tâm trí duyên ba thứ, khổ, tập, diệt trí duyên Phi học Phi Vô học, đạo trí duyên Học, Vô học.

Là kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không dứt: Tha tâm trí hữu lậu, là tu

đạo dứt trừ, vô lậu là không dứt trừ. Đẳng trí là kiến đạo, tu đạo dứt. Trí còn lại là không dứt.

Duyên kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không dứt: Pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, đẳng trí duyên với ba thứ. Khổ trí, tập trí duyên với kiến đạo dứt, tu đạo dứt. Diệt trí, đạo trí duyên với không dứt.

Duyên danh, duyên nghĩa: Pháp trí, tỷ trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí duyên danh, duyên nghĩa. Trí còn lại duyên nghĩa.

Duyên nơi thân mình, thân người, chẳng phải thân: Pháp trí, tỷ trí, đẳng trí duyên với thân mình, thân người và chẳng phải thân. Trí tha tâm duyên với thân người. Khổ trí, tập trí, đạo trí duyên với thân mình, thân người, diệt trí duyên chẳng phải thân.

Nếu khổ trí thì hành hành khổ chẳng? Nếu hành hành khổ là khổ trí phải chăng?

Đáp: Hoặc là khổ trí chẳng phải hành hành khổ, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Là khổ trí, chẳng phải hành hành khổ, Khổ trí hành hành vô thường, hành không, hành vô ngã.

2. Hành hành khổ, chẳng phải khổ trí: Hành hành khổ, là pháp tương ứng của khổ trí.

3. Là khổ trí cũng hành hành khổ: Khổ trí hành hành khổ.

4. Chẳng phải khổ trí, chẳng phải hành hành khổ: Khổ tức nhận lấy chủng tánh này, nghĩa hành hành vô thường, hành không hành vô ngã, pháp tương ứng của khổ trí. Nếu không tức nhận lấy chủng tánh này, thì sẽ loại trừ ngần ấy việc trên. Đã hành hành khổ, sẽ hành hành khổ, cũng nói giống như thế.

Như hành khổ có ba thứ, bốn trường hợp, hành vô thường, hành không, hành vô ngã cũng có ba thứ, bốn trường hợp.

Như khổ trí có mười hai thứ bốn trường hợp: Tập trí, diệt trí, đạo trí, đều có mười hai thứ bốn trường hợp, hợp thành bốn mươi tám thứ bốn trường hợp.

Vì có bốn việc nên gọi là pháp trí:

1. Vì mới biết pháp.
2. Vì hiện thấy pháp.
3. Thật trí.
4. Xả trí.

Có bốn việc nên gọi là tỷ trí:

1. Do nhân so sánh tướng mà biết quả.
2. Do quả so sánh tướng mà biết nhân.

3. Do hành của thân, miệng, so với tướng mà biết tâm.
4. Do chỗ nói, so sánh tướng mà biết.

Phật có bốn việc, được gọi là tha tâm trí: Nhân thứ lớp, duyên, oai thế. Như trí này có bốn việc, sở duyên của trí cũng có bốn việc, gọi là nhân thứ lớp, duyên, oai thế.

Có bốn việc gọi là đẳng trí:

1. Do danh bằng nhau.
2. Do trói buộc bằng nhau.
3. Do giả bằng nhau.
4. Do đắm nhiễm bằng nhau.

Có bốn việc, gọi là khổ:

1. Do nóng nảy, bực bội.
2. Do sinh.
3. Do sự thọ của thân.
4. Do chết.

Nếu trí hành bốn việc này, gọi là khổ trí.

Có bốn việc, gọi là tập:

1. Do nghiệp.
2. Do phiền não.
3. Do ái.
4. Do vô minh.

Nếu trí hành bốn việc này, gọi là tập trí.

Có bốn việc gọi là diệt:

1. Quả Sa-môn đầu dứt trừ ba kiết.
2. Quả thứ hai dứt trừ ba kiết làm mỏng ái, giận, si.
3. Quả thứ ba, dứt trừ năm kiết phần dưới.
4. Quả thứ tư, dứt trừ tất cả kiết.

Nếu trí hành bốn hành này, là diệt trí.

Có bốn việc gọi là đạo:

1. Từ thứ tám cho đến có các chỗ tạo tác của tất cả bậc Hữu Học.
2. Hàng phục kẻ thù.
3. Quán việc để làm.
4. Lậu dứt gạn hết.

Nếu trí hành bốn hành này, gọi là đạo trí.

Có bốn việc, gọi là tận trí:

1. Chẳng gồm nhiếp kiến.
2. Chẳng hành không.
3. Trừ Trí tha tâm.

4. Phương tiện chậm, hoãn.

Có bốn việc, gọi là trí vô sinh:

1. Biết nhân.

2. Biết quả.

3. Biết thân mình.

4. Do người.

Mười trí lẽ ra nói một trí, là pháp trí. Chẳng phải trí như pháp, do thế là pháp.

Mười trí lẽ ra nói một trí, là trí quyết định. Vì sao? Vì nghĩa quyết định là trí.

Mười trí nên nói một trí, đó là sự nhận biết của trí, cũng là một trí. Nghĩa là chỗ nhận biết xét kỹ về sự sanh tử, đắm nhiễm thật sự.

Mười trí lẽ ra nói một trí: Là đạo trí thuộc về đạo đế.

Mười trí lẽ ra nói một trí: Là nguyện trí, do làm viên mãn các nguyện.

Mười trí lẽ ra nói một trí, đó là tận trí: Dứt hết các phiền não, vì có thể được trong thân.

Mười trí lẽ ra nói một trí, đó là trí vô sinh, vì không trở lại.

Ba tam-muội: Không, vô nguyện, vô tướng, nên nói một tam-muội, như định trong pháp tâm sở.

Như định căn, định lực, định giác chi, chánh định.

Nên nói hai tam-muội: Hữu lậu, vô lậu, bị ràng buộc, giải thoát.

Nên nói bốn tam-muội: lệ thuộc cõi Dục, lệ thuộc cõi Sắc, lệ thuộc cõi Vô sắc và không lệ thuộc.

Nên nói năm tam-muội: lệ thuộc cõi Dục, lệ thuộc cõi Sắc, lệ thuộc cõi Vô sắc, Học, Vô học.

Nếu do ở thân, nếu do sát-na, thì sẽ có Vô lượng tam-muội.

Thế nào là Đức Thế tôn đối với một tam-muội, Vô lượng tam-muội, lập ra ba tam-muội?

Đáp: Vì ba sự:

1. Do đối trị.

2. Do tâm trông mong.

3. Do chỗ duyên.

Đối trị: Là tam-muội Không, tam-muội Không là đối trị gần của thân kiến.

Thân kiến hành nơi hành của ngã, hành của ngã sở. Hành của tam-muội Không là hành không, hành vô ngã.

Hỏi: dùng hành nào để đối trị hành nào?

Đáp: Dùng hành vô ngã để đối trị với hành ngã. Dùng hành không để đối trị với hành của ngã sở.

Lại nữa, hành vô ngã đối trị với hành của năm ngã kiến. Hành không đối trị với mười lăm hành của ngã sở kiến (kiến chấp của ngã sở).

Lại nữa, hành vô ngã đối trị với kiến của mình. Hành không đối trị với chỗ thấy của mình.

Lại nữa, hành vô ngã đối trị với ái của ngã kiến. Hành không đối trị với ái của ngã sở kiến.

Lại nữa, ám chẳng phải ngã là hành vô ngã. Vô ngã trong ám là hạnh không.

Lại nữa, mắt chẳng phải ngã là hành vô ngã. Trong mắt vô ngã là hành không, cho đến ý cũng giống như thế.

Lại nữa, tánh không là hành vô ngã, không có sở hành không là hành không.

Tâm trông mong: Là vô nguyện, tâm trông mong không nguyện nơi hữu, nên gọi là vô nguyện.

Hỏi: Tâm trông mong cũng không nguyện nơi đạo chẳng?

Đáp: Không nên đặt ra câu hỏi này, vì cũng không là tâm trông mong, không nguyện nơi đạo. Nhưng không nguyện nơi Đạo, tự có lý do. Thánh đạo dù chẳng thật có, nhưng dựa vào cái có, tâm trông mong của hành giả không nguyện ở ám, nhưng Thánh đạo dựa vào ám, không nguyện ở đời, nhưng Thánh đạo dựa vào đời, không nguyện ở khổ, nhưng Thánh đạo vẫn nối tiếp với khổ.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao bậc Thánh tu đạo?

Đáp: Vì muốn đến Niết-bàn. Người tu hành nghĩ rằng: Trừ Thánh đạo, còn có phương tiện đạt đến Niết-bàn hay chẳng? Biết là không có, do vậy, muốn đến Niết-bàn nên tu đạo.

Chỗ duyên: là duyên với vô tướng. Vì không có pháp của mười tướng, nên là vô tướng. Mười tướng nghĩa là các tướng: Sắc, thanh, hương vị, xúc, nam, nữ, và ba tướng hữu vi.

Lại nữa, ám là tướng. Vì kia duyên với ám diệt, nên là vô tướng.

Đời là tướng. Trước, sau là tướng. Hạ, trung, thượng là tướng. Hành giả vô duyên với đời, vô duyên trước, sau, vô duyên dưới, giữa, trên, nên là vô tướng.

Lại có thuyết nói: Ba tam-muội cũng là hành nơi hành: tam-muội Không hành hai hành, đó là hành không và vô ngã. Tam-muội Vô nguyện hành mười hành là tám hành của tập, đạo và hành vô thường,

khổ, tam-muội Vô tướng hành bốn hành là: bốn hành như diệt.

Lại có thuyết nói: Ba tam-muội là đối trị: tam-muội Không là đối trị gần về thân kiến. tam-muội Vô nguyện là đối trị gần về giới thủ. tam-muội Vô tướng là đối trị gần về nghi. Luận Thi Thiết nói: tam-muội Không là không, chẳng phải vô nguyện. Tam-muội Vô tướng, vô nguyện, là vô nguyện, chẳng phải không. Tam-muội Vô tướng, vô tướng là vô tướng, chẳng phải không, vô nguyện. Vì sao? Vì chỗ hành của tam-muội Không chẳng phải vô nguyện, vô tướng. Vô nguyện, vô tướng cũng giống như thế.

Lại nữa, nói tam-muội Không là vô nguyện, vô nguyện là tam-muội Không. Vô tướng, tức là vô tướng, chẳng phải không chẳng phải vô nguyện.

Hỏi: Vì sao hai tam-muội đồng một thể, còn một tam-muội lại khác thể?

Đáp: Vì hai tam-muội này được cùng lúc, đối trị một thứ pháp.

Cùng lúc đạt được: Nếu dựa vào tam-muội Không, thì được chánh quyết định. Trong khoảng khắc bốn tâm của kiến khổ, sẽ tu tam-muội Vô nguyện ở vị lai. Nếu dựa vào tam-muội Vô nguyện, thì sẽ được chánh quyết định, trong khoảng khắc bốn tâm kiến khổ, sẽ tu tam-muội Không ở vị lai.

Tu đối trị một thứ pháp: Hai tam-muội này đều đối trị pháp do thấy khổ mà dứt trừ.

Lại nữa, nói tam-muội Không là không, vô nguyện, vô tướng.

Thế nào là không? Tức trong đây không có thường, không biến đổi, không, vô ngã, vô ngã sở.

Thế nào là vô nguyện? Tam-muội này không nguyện đối với ái, không nguyện đối với giận, không nguyện đối với si, không nguyện hữu vị lai.

Thế nào là vô tướng?

Đáp: Vì tam-muội này không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, nên là vô tướng.

Vô nguyện là vô nguyện, cũng là không, cũng là vô tướng.

Thế nào là vô nguyện? Tam-muội này không nguyện đối với ái, giận, si, không nguyện đối với hữu vị lai.

Thế nào là không? Tam-muội này là không, chẳng có thường, cho đến vô ngã, vô ngã sở.

Thế nào là vô tướng? Vì tam-muội này vô tướng sắc, cho đến tướng xúc.

Tam-muội Vô tướng là vô tướng, là không, là vô nguyện.
Thế nào là vô tướng? Vì tam-muội này vô tướng sắc, cho đến vô tướng xúc.
Không là sao? Tam-muội này không có thường, cho đến không ngã, không ngã
sở.

Vô nguyện là sao? Tam-muội này không nguyện đối với ái, cho đến nói rộng.
Đây là thể tánh của tam-muội cho đến nói rộng.

Đã nói về thể tánh, nay sẽ nói về lý do:

Hỏi: Vì sao gọi là tam-muội? Tam-muội là nghĩa gì? Đáp: Vì ba sự,
nên gọi là tam-muội:

1. Do chánh.
2. Do gồm nhiếp.
3. Do nối tiếp.

Do chánh: Từ vô thủ đến nay các hành vi ác, phiền não, tà kiến điên đảo đã làm
cho pháp tâm, tâm sở bị nhiễu loạn, vì thế khiến cho người ngay thẳng đều là năng lực
của tam-muội.

Do gồm nhiếp: Từ vô thủ đến nay tâm pháp tâm sở bị tán loạn ở trong sắc, thanh,
hương, vị, xúc, pháp, do đó cần gồm nhiếp không để tán loạn, trụ trong một duyên, đều
là năng lực của tam-muội.

Do nối tiếp nhau: nghĩa là pháp tâm, tâm sở, sinh lên định Vô sắc, theo thứ lớp là
tâm thiện, thứ lớp sinh tâm nhiễm ô, vô ký. Tâm nhiễm ô theo thứ lớp sinh tâm thiện,
tâm vô ký, Tâm vô ký theo thứ lớp sinh tâm thiện, tâm nhiễm ô, do đó có thể bỏ hai thứ
tâm, chỉ khiến cho tâm thiện nối tiếp, đều là năng của tam-muội.

* * * * *